TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST.
Ngày: 12-4-2022.
"V/v tranh chấp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên toà: ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Cái T, xã Mỹ T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: bà Đỗ Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Cái T, xã Mỹ T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Cái T, xã Mỹ T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà V có mặt, bà L và ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà có tham gia chơi hụi do bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hoàng T làm chủ hụi, các dây hụi như sau:

1. Dây hụi 2.000.000 đồng, ngày mở hụi đầu tiên là 30/8/2020, gồm 27 phần, bà tham gia 03 phần, đã đóng được 11 tháng tiền hụi với số tiền là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

2. Dây hụi 500.000 đồng, ngày mở hụi đầu tiên là 25/11/2020, gồm 32 phần, bà tham gia 03 phần đã đóng được số tiền hụi là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

3. Dây hụi 1.000.000 đồng, ngày mở hụi đầu tiên là 15/9/2019, gồm 27 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 24 tháng tiền hụi với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Dây hụi 1.000.000 đồng, ngày mở hụi đầu tiên là 10/11/2019, gồm 27 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 23 tháng tiền hụi với số tiền là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

5. Dây hụi 1.000.000 đồng, ngày mở hụi đầu tiên là 05/4/2021, gồm 21 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 03 tháng tiền hụi với số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Trong tháng 6, 7/2021 âm lịch bà L không thu tiền hụi do dịch bệnh, tháng 8, 9/2021 âm lịch bà L thu tiền hụi sau đó nói bà cộng lại đóng chung. Sau đó bà L và ông T ngưng hụi, nợ lại bà tổng số tiền hụi là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng). Vì vậy, bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông T trả lại bà số tiền hụi là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông và bị đơn bà Đỗ Thị L, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp Cái T, xã Mỹ T, huyện G, tỉnh Bến Tre là vợ chồng hợp pháp. Năm 2019, bà L tổ chức chơi hụi, việc chơi hụi này chủ yếu do bà L theo dõi, quản lý sổ hụi, giấy tờ liên quan đến hụi, ông không có giữ, cũng không nắm được cụ thể từng dây hụi. Ông có biết việc bà L tổ chức chơi hụi, ông không có ý kiến gì. Đến tháng 9/2021, do tình hình dịch bệnh kéo dài và một số hụi viên khác không góp hụi cho bà L nên bà L bị vỡ hụi. Bà V có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà V, vợ chồng ông thống nhất đồng ý trả cho bà V số tiền hụi là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng), xin không trả lãi, trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bà V trình bày bà L là người trực tiếp tổ chức hụi, ông T là người phụ cho bà L trong việc tổ chức hụi. Các bên thỏa thuận ngày chơi hụi là ngày âm lịch. Ngày 30/9/2021 âm lịch, bà L nói với bà làm hụi không nổi nữa nên cộng tiền hụi lại, mỗi tháng bà L sẽ trả tiền lại cho bà, bà đồng ý. Tuy nhiên hai bên không có tổng kết lại số tiền hụi và thỏa thuận mỗi tháng bà L trả bà số tiền cụ thể bao nhiêu. Bà L không thực hiện như lời hứa và cho đến nay vẫn không trả lại tiền hụi cho bà. Vì vậy, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà L và ông T có

nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng), không yêu cầu trả lãi. Ngoài số tiền hụi bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà L và ông T không có nợ bà số tiền hụi nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng và tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: bà V chấp hành đúng, đầy đủ theo quy đinh tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bà L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không tham gia phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định. Như vậy, bà L không chấp hành theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Ông T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/02/2022, cũng không tham gia phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định. Như vậy, ông T chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy đinh tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Buộc bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Hoàng T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền nợ hụi là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hoàng T có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà V. Bà L là bị đơn trong vụ án cư trú tại xã Mỹ T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[2] Về nội dung:

Bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ hụi là 109.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Với yêu cầu khởi kiện của bà V, bà L không có ý kiến phản đối và không cung cấp các

tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo lời trình bày của ông T và Trích lục kết hôn số 124/TLKH-BS ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, huyện G, tỉnh Bến Tre thì ông T và bà L là vợ chồng hợp pháp. Ông T thừa nhận bà V có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi. Ông và bà L đồng ý trả cho bà V số tiền nợ hụi là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng), tuy nhiên ông xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Việc xin trả dần số tiền nợ hụi trên của ông T không được bà V đồng ý.

Xét thấy, giữa bà V và bà L có giao dịch tài sản là hụi, theo đó bà L làm chủ hụi, bà V là thành viên. Do bà L chấm dứt việc chơi hụi và còn nợ bà V số tiền nợ hụi 109.000.000 đồng, đồng thời chồng bà L là ông T đồng ý liên đới cùng bà L trả cho bà V số tiền này. Như vậy, bà V khởi kiện yêu cầu bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền hụi nêu trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: do bà V không yêu cầu bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L và ông T phải liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: 5% của số tiền 109.000.000 đồng là 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà V không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền hụi là 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng). Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị V không yêu cầu Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hoàng T trả lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hoàng T phải liên đới chịu án phí là 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.725.000 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004618 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.